

Số: 32 /2016/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 15 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 năm 11 tháng 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

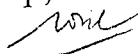
Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 449/TTr-STNMT ngày 07 tháng 6 năm 2016, kèm Báo cáo thẩm định số 83/BC-STP ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Sở Tư pháp,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định (gọi tắt: Quyết định 13), cụ thể như sau:

1. Điều 34 của Quyết định 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 34. Hỗ trợ ổn định đời sống

1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài; giao đất lâm nghiệp khi thực hiện Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai hoặc hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp như các quy định nêu trên nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được UBND cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này); Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở) thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau đây:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và

trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển chỗ ở đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển chỗ ở đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại Điểm a, b Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo giá gạo do Sở Tài chính thông báo. Số nhân khẩu của hộ gia đình là các cá nhân có tên trong sổ hộ khẩu gia đình và thực tế đang thường trú tại địa phương có cuộc sống nhờ vào nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp được xác định tại thời điểm kiểm đếm lập phương án bồi thường.

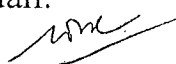
d) Diện tích đất thu hồi quy định tại Điểm a, b Khoản này là diện tích đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của các quyết định thu hồi đất trước đó.

đ) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà việc thu hồi đất ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người thu hồi đất thì được xem xét hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 40 của Quy định này.

2. Các trường hợp không được hỗ trợ ổn định đời sống gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, hưu trí, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân.

b) Số nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức, hưu trí, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân ở trong hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức, hưu trí, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân, vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức, hưu trí, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân.



c) Diện tích đất trồng rừng sản xuất giao cho hộ gia đình, cá nhân sau ngày 01 tháng 12 năm 1999 (ngày Nghị định 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành) và diện tích đất trồng cây lâu năm giao cho hộ gia đình, cá nhân sau thời điểm cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993.

d) Các trường hợp được bồi thường đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 của Quy định này.”

2. Điều 36 của Quyết định 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 36. Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm

1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 và Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ; giao đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 hoặc hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp như nêu trên nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được UBND cấp xã (nơi có đất thu hồi) xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi (kể cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở) mà không có đất để bồi thường (trừ các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 34 của Quy định này) thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp.

2. Trường hợp người được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này có nhu cầu đào tạo học nghề thì được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề và được miễn học phí đào tạo cho một khóa học đối với các đối tượng trong độ tuổi lao động.

Mức miễn học phí đào tạo cho các đối tượng nêu trên do UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các đối tượng chuyển đổi nghề nằm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.”

3. Khoản 1 Điều 40 của Quyết định 13 được sửa đổi như sau:

“1. Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 34 của Quy định này bị thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện

tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển chỗ ở đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 9 tháng.

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu và số nhân khẩu của hộ gia đình được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34 của quy định này.”

4. Điểm b Khoản 5 Điều 52 của Quyết định 13 được sửa đổi như sau:

“b) Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm thực hiện cưỡng chế theo phương án đã được phê duyệt; bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.”

5. Các nội dung khác của Quy định vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 07 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm MB*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Cục KTVB-BTP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- TT Công báo tỉnh;
- Công Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, *KTV*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



mm
Hồ Quốc Dũng

